

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15/01/2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Vượng.

2. Ông Ma Quốc Thể.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hữu Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị C – Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn M – Sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ Thị C có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông M trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, bà và ông M cùng nhau làm ăn sinh sống tại thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Bà và ông M đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Bà C xác định không còn tình cảm với ông M, vợ chồng không thể tiếp tục chung

sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông M để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà C và ông M có hai con chung.

- Cháu Nguyễn Văn V – Sinh năm: 2001.

- Cháu Nguyễn Thị Q – Sinh năm: 2003.

Hiện tại, cháu V và cháu Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn M có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà C trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, ông và bà C cùng nhau làm ăn sinh sống tại thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Ông và bà C đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Ông M xác định không còn tình cảm với bà C nên nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà C, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà C để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông M và bà C có hai con chung.

- Cháu Nguyễn Văn V – Sinh năm: 2001.

- Cháu Nguyễn Thị Q – Sinh năm: 2003.

Hiện tại, cháu V và cháu Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Vũ Thị C có Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của bà Vũ Thị C đối với ông Nguyễn Văn M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn M ly hôn.

3. Về con chung: Cháu Nguyễn Văn V – Sinh năm: 2001 và cháu Nguyễn Thị Q – Sinh năm: 2003 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà C khởi kiện về việc xin ly hôn với ông M. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn M xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng năm 2020 đến nay. Bà C và ông M đều xác định không còn tình cảm với nhau.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông M cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, vợ chồng ly thân với nhau một thời gian dài nhưng bà C và ông M cũng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C đối với ông M.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà C và ông M có hai con chung.

- Cháu Nguyễn Văn V – Sinh năm: 2001.

- Cháu Nguyễn Thị Q – Sinh năm: 2003.

Hiện tại, cháu V và cháu Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Vũ Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của bà Vũ Thị C đối với ông Nguyễn Văn M.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn M ly hôn.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002957 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000000698987 ngày 05/10/2023 của Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam).

5. Quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị C và ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Cường

